

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký kinh doanh số

0300521758

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được sửa đổi nhiều lần, lần gần nhất là giấy chứng nhận điều chỉnh cấp ngày 16 tháng 2 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Nguyễn Vũ Phan
Bà Nguyễn Thị Cúc
Bà Nguyễn Thị Ngọc
Ông Bùi Việt

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Bà Nguyễn Thị Cúc
Ông Nguyễn Vũ Phan
Ông Lê Hữu Hạnh
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

170E Phan Đăng Lưu
Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 910 - *Công tác soát xét Báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-194



Chang Hưng Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.494.113.061.548	1.176.638.742.453
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	405.681.853.200	337.769.093.757
Tiền	111		153.773.013.246	51.495.543.237
Các khoản tương đương tiền	112		251.908.839.954	286.273.550.520
Các khoản phải thu	130	5	162.692.528.777	57.575.438.981
Phải thu khách hàng	131		68.651.098.869	28.962.855.812
Trả trước cho người bán	132		69.473.336.154	14.165.423.476
Các khoản phải thu khác	135		26.179.363.535	16.058.429.474
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.611.269.781)	(1.611.269.781)
Hàng tồn kho	140	6	880.466.963.412	751.709.044.884
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.271.716.159	29.585.164.831
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.099.785.062	12.765.289.565
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.667.475.254	7.933.589.620
Thuế phải thu Nhà nước	154		645.007.559	576.939.248
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	19.859.448.284	8.309.346.398
Tài sản dài hạn	200		1.271.480.677.166	1.287.569.967.482
Tài sản cố định	220		351.936.551.159	331.638.373.756
Tài sản cố định hữu hình	221	8	96.023.228.402	96.848.837.225
Nguyên giá	222		174.781.135.032	170.255.698.399
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.757.906.630)	(73.406.861.174)
Tài sản cố định vô hình	227	9	216.652.370.001	193.164.202.785
Nguyên giá	228		217.241.848.563	193.653.741.363
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(589.478.562)	(489.538.578)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	39.260.952.756	41.625.333.746
Các khoản đầu tư dài hạn	250	11	725.505.589.291	749.471.560.231
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		260.537.530.891	261.453.501.831
Đầu tư dài hạn khác	258		475.768.058.400	498.818.058.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		194.038.536.716	206.460.033.495
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	191.667.442.047	204.184.834.997
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	931.743.863	835.847.692
Tài sản dài hạn khác	244		1.439.350.806	1.439.350.806
TỔNG TÀI SẢN	270		2.765.593.738.714	2.464.208.709.935

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.598.250.626.120	1.388.651.100.968
Nợ ngắn hạn	310		748.494.045.445	1.238.244.894.919
Vay ngắn hạn	311	15	558.374.498.651	950.160.880.361
Phải trả người bán	312		113.335.365.003	126.195.900.645
Người mua trả tiền trước	313		4.941.854.567	7.499.868.870
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	17.704.583.545	18.554.741.321
Phải trả người lao động	315		10.299.123.407	26.829.448.932
Chi phí phải trả	316	17	5.972.610.248	9.974.319.640
Các khoản phải trả khác	319	18	16.184.465.939	85.484.874.814
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	21.681.544.085	13.544.860.336
Nợ dài hạn	330		849.756.580.675	150.406.206.049
Phải trả dài hạn khác	333		65.264.582.436	66.789.066.688
Vay dài hạn	334	20	781.154.153.277	80.143.593.277
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	3.337.844.962	3.473.546.084
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.141.414.034.977	1.046.885.979.792
Vốn chủ sở hữu	410		1.141.414.034.977	1.046.885.979.792
Vốn cổ phần	411	22	599.991.420.000	599.991.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	225.008.580.000	225.008.580.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(7.090.000)	(7.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		72.461.168.576	52.461.168.576
Quỹ dự phòng tài chính	418		36.031.916.577	25.704.156.577
Lợi nhuận chưa phân phối	420		207.928.039.824	143.727.744.639
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	25.929.077.617	28.671.629.175
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.765.593.738.714	2.464.208.709.935

Người lập:

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Tổng doanh thu	01	3	8.313.631.621.873	6.224.931.898.245
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3	(33.949.902.491)	(22.953.956.662)
Doanh thu thuần	10		8.279.681.719.382	6.201.977.941.583
Giá vốn hàng bán	11	3	(7.914.359.054.812)	(5.921.750.095.791)
Lợi nhuận gộp	20		365.322.664.570	280.227.845.792
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	31.992.814.388	36.656.169.731
Chi phí tài chính	22	25	(52.572.125.857)	(29.532.046.749)
Chi phí bán hàng	24		(130.488.868.257)	(104.458.851.902)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.007.847.706)	(35.650.468.128)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		170.246.637.138	147.242.648.744
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	11.409.350.243	22.093.159.723
Chi phí khác	32	27	(1.385.359.175)	(10.370.334.206)
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	40		4.218.737.060	2.382.636.059
Lợi nhuận trước thuế	50		184.489.365.266	161.348.110.320
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(36.666.502.517)	(33.420.218.060)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	95.896.171	(587.711.808)
Lợi nhuận thuần	60		147.918.758.920	127.340.180.452

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	23	133.788.780	797.460.895
Chủ sở hữu của Công ty	62		147.784.970.140	126.542.719.557
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.463	3.164
<hr/>				

Người lập:  Người duyệt: 



Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	126.542.719.557	126.542.719.557
Trích lập các quỹ	-	-	-	130.509.333	-	(416.134.183)	(285.624.850)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(100.170.000)	(100.170.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(237.758.378)	(130.509.333)	-	(368.267.711)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	178.371.583.182	1.081.529.818.335
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	85.475.457.457	85.475.457.457
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Điều chỉnh trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	340.917.304	340.917.304
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(463.347.304)	(463.347.304)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	147.784.970.140	147.784.970.140
Cổ tức	-	-	-	-	-	(29.999.216.500)	(29.999.216.500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(23.257.698.455)	(23.257.698.455)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	36.031.916.577	207.928.039.824	1.141.414.034.977

Người lập:



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Giao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		184.489.365.266	161.348.110.320
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		20.352.658.174	23.777.599.351
Các khoản dự phòng	03		-	43.029.941
Lỗ/(lợi nhuận) từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		241.951.911	(3.266.329.598)
Lợi nhuận từ thanh lý đầu tư vào công ty con	05		-	(3.229.607.274)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(28.571.448.139)	(25.024.902.475)
Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	05		-	(5.561.922.489)
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	05		(4.218.737.060)	(2.382.636.059)
Chi phí lãi vay	06		47.822.633.162	28.220.506.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		220.116.423.314	173.923.847.762
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(49.343.856.568)	(34.946.025.585)
Biến động hàng tồn kho	10		(128.757.918.528)	(167.406.621.328)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(44.874.894.759)	47.785.378.466
			(2.860.246.541)	19.356.579.315
Tiền lãi vay đã trả	13		(47.571.835.449)	(27.810.003.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(43.958.427.440)	(22.948.966.245)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.664.805.044)	(12.258.627.861)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(107.055.314.474)	(43.661.018.250)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.001.649.084)	(75.558.230.057)
Chi trả trước cho người bán để mua tài sản cố định	21		(61.100.000.000)	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		626.254.546	13.330.391.972
Chi đầu tư vào các công ty khác	25		-	(45.631.047.000)
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con và đầu tư dài hạn khác	26		23.050.000.000	16.390.530.450
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		18.177.460.607	21.983.611.164
Thu cổ tức từ công ty liên kết	28		5.134.708.000	3.719.913.625
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(43.113.225.931)	(65.764.829.846)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		4.681.488.484.620	3.199.886.508.120
Chi trả nợ gốc vay	34		(4.372.264.306.330)	(3.034.047.902.253)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(3.752.970.042)	(2.978.376.340)
Chi trả cổ tức	36		(87.389.908.400)	(20.867.198.500)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		218.081.299.848	141.993.031.027
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		67.912.759.443	32.567.182.931
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	337.769.093.757	274.965.948.571
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	405.681.853.200	307.533.131.502

Người lập:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý; cung cấp và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính; kinh doanh đồ lưu niệm, các sản phẩm đan len, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công; kinh doanh xăng dầu, gas, máy móc và thiết bị bằng dầu và gas công nghiệp; cung cấp các dịch vụ vận chuyển, kinh doanh các sản phẩm dầu, dầu nhờn và hóa dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn có 2.445 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.340 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ngoại trừ đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của các khoản đầu tư thấp hơn nguyên giá hoặc khi công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà trả trước

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(o) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản phân bổ của bình khí đốt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là nguồn vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm trừ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

(r) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	8.003.286.494.722	5.858.528.922.375	323.261.222.008	270.720.465.827	2.535.845.333	-	-	109.656.282.076	(15.451.940.190)	(13.973.772.033)	8.313.631.621.873	6.224.931.898.245
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	(33.916.781.991)	(22.910.703.789)	(33.120.500)	-	-	-	-	(43.252.873)	-	-	(33.949.902.491)	(22.953.956.662)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(7.637.745.009.566)	(5.598.806.426.740)	(290.384.450.805)	(243.769.647.711)	(1.201.844.120)	-	-	(93.450.853.197)	14.972.249.679	14.276.831.857	(7.914.359.054.812)	(5.921.750.095.791)
Lợi nhuận gộp bộ phận	331.624.703.165	236.811.791.846	32.843.650.703	26.950.818.116	1.334.001.213	-	-	16.162.176.006	(479.690.511)	303.059.824	365.322.664.570	280.227.845.792
Kết quả bộ phận	195.593.179.862	140.641.344.338	4.731.704.416	(2.814.295.045)	908.640.082	-	-	1.977.634.815	(383.584.685)	313.841.654	200.849.939.675	140.118.525.762
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.992.814.388	36.656.169.731
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(52.572.125.857)	(29.532.046.749)
Mua sắm tài sản dài hạn	28.518.644.708	50.893.671.023	294.669.073	23.319.976.633	188.335.303	-	-	556.266.440	-	-	29.001.649.084	74.769.914.096
Khấu hao	5.662.584.924	5.685.926.281	2.033.394.480	1.386.679.397	4.990.036	-	-	2.166.956.163	-	-	7.700.969.440	9.239.561.841
Phân bổ	2.345.998.481	1.919.823.251	11.446.394.587	12.204.648.315	-	-	-	413.565.944	(1.140.704.334)	-	12.651.688.734	14.538.037.510

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Hợp nhất	
	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	1.752.382.823.278	1.424.621.498.549	286.912.197.294	290.115.651.155	793.128.851	-	2.040.088.149.423	1.714.737.149.704
Tài sản không phân bổ	716.303.167.139	740.695.621.622	9.202.422.152	8.775.938.609	-	-	725.505.589.291	749.471.560.231
							2.765.593.738.714	2.464.208.709.935
Nợ phải trả của bộ phận	(1.417.514.388.318)	(1.203.182.553.392)	(180.127.601.285)	(185.468.547.576)	(608.636.517)	-	(1.598.250.626.120)	(1.388.651.100.968)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	17.834.530.092	24.607.085.313
Tiền gửi ngân hàng	135.645.540.154	26.657.052.846
Tiền đang chuyển	292.943.000	231.405.078
Các khoản tương đương tiền	251.908.839.954	286.273.550.520
	405.681.853.200	337.769.093.757

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn có các đơn vị tiền tệ khác VND tương đương 117.573 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 358 triệu VND).

5. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	-	1.500.000.000
	-	1.500.000.000

Bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho các bên liên quan là 6.602 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Hợp đồng ủy thác đầu tư	5.088.237.418	5.088.237.418
Phải thu cổ tức	10.393.987.532	-
Phải thu từ dịch vụ cầm đồ	4.018.500.000	1.974.100.000
Cho công ty liên kết vay	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	6.678.638.584	7.496.092.056
	26.179.363.534	16.058.429.474

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm số dư tiền mặt trong tài khoản của Công ty tại công ty được ủy thác và những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty khác do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản trên không phải ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 do số dư cuối kỳ chỉ bao gồm tiền mặt trong tài khoản tại công ty được ủy thác.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	1.611.269.781	1.573.294.743
Tăng dự phòng trong kỳ	-	23.190.188
Số dư cuối kỳ	1.611.269.781	1.596.484.931

6. Hàng tồn kho

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	26.419.178.253	365.167.709
Nguyên vật liệu	10.650.017.875	8.788.552.862
Công cụ và dụng cụ	10.139.543.111	7.484.186.818
Sản phẩm dở dang	6.702.390.562	5.885.590.856
Thành phẩm	39.383.907.013	30.967.036.089
Hàng hóa	739.654.505.789	653.715.317.110
Hàng gửi đi bán	47.517.420.809	44.503.193.440
	880.466.963.412	751.709.044.884

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng cho nhân viên	5.285.050.958	1.200.086.181
Đặt cọc thuê nhà	14.574.397.326	7.109.088.905
Khác	-	171.312
	19.859.448.284	8.309.346.398

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	54.506.823.828	83.282.042.611	10.919.813.953	21.547.018.007	-	170.255.698.399
Tăng trong kỳ	260.313.273	6.226.657.412	1.089.777.450	-	166.818.939	7.743.567.074
Thanh lý	(764.409.972)	(132.001.782)	(279.891.948)	(170.000.000)	-	(1.346.303.702)
Xóa sổ	(1.151.546.397)	(720.280.342)	-	-	-	(1.871.826.739)
Số dư cuối kỳ	52.851.180.732	88.656.417.899	11.729.699.455	21.377.018.007	166.818.939	174.781.135.032
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	9.908.845.591	44.668.324.529	7.778.112.600	11.051.578.454	-	73.406.861.174
Khấu hao trong kỳ	1.383.382.470	4.875.660.197	582.259.783	857.350.060	2.316.930	7.700.969.440
Thanh lý	(519.284.441)	(123.184.804)	(262.644.156)	(170.000.000)	-	(1.075.113.401)
Xóa sổ	(729.148.279)	(545.662.304)	-	-	-	(1.274.810.583)
Số dư cuối kỳ	10.043.795.341	48.875.137.618	8.097.728.227	11.738.928.514	2.316.930	78.757.906.630
Giá trị còn lại						
Số dư cuối kỳ	42.807.385.391	39.781.280.281	3.631.971.228	9.638.089.493	164.502.009	96.023.228.402
Số dư đầu kỳ	44.597.978.237	38.613.718.082	3.141.701.353	10.495.439.553	-	96.848.837.225

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 27.983 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 27.558 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 29.343 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 31.225 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	192.784.772.638	868.968.725	193.653.741.363
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.588.107.200	-	23.588.107.200
Số dư cuối kỳ	216.372.879.838	868.968.725	217.241.848.563
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	489.538.578	489.538.578
Phân bổ trong kỳ	-	99.939.984	99.939.984
Số dư cuối kỳ	-	589.478.562	589.478.562
Giá trị còn lại			
Số dư cuối kỳ	216.372.879.838	279.490.163	216.652.370.001
Số dư đầu kỳ	192.784.772.638	379.430.147	193.164.202.785

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 9.595 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 106.543 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	41.625.333.746	50.077.411.701
Tăng trong kỳ	21.223.726.210	39.032.194.475
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(9.090.893.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(23.588.107.200)	(23.143.511.017)
Số dư cuối kỳ	39.260.952.756	56.875.201.750

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư dài hạn

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư dài hạn vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á (“An Cư Đông Á”) (a)	85.876.271.337	89.039.291.026
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Nhiên liệu Sài Gòn”) (b)	166.481.737.402	164.711.172.196
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”) (c)	8.179.522.152	7.703.038.609
	260.537.530.891	261.453.501.831
Đầu tư dài hạn khác vào:		
▪ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	356.775.363.400
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	-	23.000.000.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	40.833.320.000	40.833.320.000
▪ Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty (d)	1.666.600.000	1.666.600.000
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư (e)	10.089.500.000	10.089.500.000
▪ Khác	1.022.900.000	1.072.900.000
	475.768.058.400	498.818.058.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
	725.505.589.291	749.471.560.231

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 30,62% vốn cổ phần của An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng; cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và làm đại lý bất động sản; kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 49,99% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty đã niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm xăng và dầu; công cụ thương mại, dụng cụ và máy móc xăng dầu và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; dịch vụ vận tải, cho thuê và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

- c. Khoản vay này thể hiện 35% vốn cổ phần của Hong Vina, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do Công ty Cổ phần Năng Lượng Đại Việt - công ty con do Công ty sở hữu 70% vốn nắm giữ. Hoạt động chính của Hong Vina là sản xuất và kinh doanh bình gas, bình nén khí và các linh kiện của các sản phẩm này, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì bình gas.
- d. Khoản đầu tư dài hạn này bao gồm 8.333 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty phát hành. Các trái phiếu này có mệnh giá 100.000 VNĐ, không chịu lãi và được chuyển đổi thành cổ phiếu vào ngày 26 tháng 12 năm 2012 theo tỷ lệ chuyển đổi là 10 cổ phiếu cho 1 trái phiếu.
- e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư – Phát triển khu đất tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Du Lịch Festival Việt Nam và An Cư Đông Á, một công ty liên kết. Mục đích chính của dự án là xây dựng và khai thác, kinh doanh khu liên hợp khách sạn và căn hộ tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các chủ đầu tư của dự án này vẫn đang tiếp tục xin giấy phép xây dựng từ chính quyền địa phương.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	261.453.501.831	129.730.479.430
Đầu tư mới trong kỳ	-	34.374.947.000
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	4.218.737.060	3.023.052.020
Cổ tức nhận được trong kỳ	(5.134.708.000)	(3.719.913.625)
Số dư cuối kỳ	260.537.530.891	163.408.564.825

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, đầu tư dài hạn khác gồm cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á với giá trị ghi sổ là 265 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 257 tỷ VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	30/6/2011		31/12/2010	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Thời trang CAO	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Giám định PNJ	205 Phan Đăng Lưu Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	432R/12 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	30,62%	30,62%	30,62%	30,62%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	49,99%	49,99%	49,99%	49,99%
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bình khí đốt VNĐ	Thuê nhà VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	162.533.954.793	3.443.567.100	29.946.297.001	8.261.016.103	204.184.834.997
Tăng trong kỳ	-	34.355.800	-	-	34.355.800
Phân bổ trong kỳ	(9.954.725.851)	(1.192.961.010)	(368.656.878)	(1.035.405.011)	(12.551.748.750)
Số dư cuối kỳ	152.579.228.942	2.284.961.890	29.577.640.123	7.225.611.092	191.667.442.047

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22.516 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.787 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của một công ty con.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	941.363.000
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	122.221.202	26.325.031
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(131.840.339)	(131.840.339)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	931.743.863	835.847.692

Theo các quy định thuế hiện hành, các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn		
▪ Bằng Đô la Mỹ	114.416.400.000	114.289.500.000
▪ Bằng VNĐ	420.360.519.742	129.758.888.666
▪ Bằng vàng	13.118.716.253	685.633.629.039
	<hr/> 547.895.635.995	<hr/> 929.682.017.705
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	10.478.862.656	20.478.862.656
	<hr/> 558.374.498.651	<hr/> 950.160.880.361

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản 453.600 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 478.140 triệu VNĐ) không được bảo đảm và 71.396 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 438.542 triệu VNĐ) được bảo đảm bằng cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 41 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 257 tỷ VNĐ).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm khoản 22.900 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.000 triệu VNĐ) được Công ty bảo lãnh.

Các khoản vay từ ngân hàng và cá nhân bằng Đô la Mỹ, VNĐ và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 4,8% đến 7,0% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 7,0%), 3,2% đến 21,0% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 10,5% to 14,0%) và 2,5% đến 5,5% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 2,5% đến 7,9%) trong kỳ.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.588.796.779	2.376.746.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.693.195.531	15.950.917.478
Thuế khác	422.591.235	227.077.611
	<hr/> 17.704.583.545	<hr/> 18.554.741.321

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	2.336.712.659	2.085.914.946
Chi phí khuyến mại, chiết khấu	1.959.638.808	7.259.713.748
Phí dịch vụ chuyên môn	506.078.182	-
Thuê nhà	924.022.855	628.690.946
Chi phí khác	246.157.744	-
	<hr/>	<hr/>
	5.972.610.248	9.974.319.640
	<hr/>	<hr/>

18. Các khoản phải trả khác

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Phí công đoàn	3.004.352.370	2.241.645.600
Bảo hiểm xã hội	1.475.177.544	174.599.314
Bảo hiểm y tế	674.091.750	338.235.803
Cổ tức	3.138.025.210	61.341.637.152
Quỹ cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.816.694.704	3.613.115.644
Các khoản phải trả khác	5.076.124.361	17.775.641.301
	<hr/>	<hr/>
	16.184.465.939	85.484.874.814
	<hr/>	<hr/>

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	13.544.860.336	35.696.465.944
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	20.801.488.793	591.528.000
Phân loại lại từ các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	424.391.306
Sử dụng quỹ trong kỳ	(12.664.805.044)	(12.258.627.861)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(29.730.512)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	21.681.544.085	24.424.026.877
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

20. Vay dài hạn

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Từ Ngân hàng Đông Á		
▪ Khoản vay 1 (a)	486.000.000	690.000.000
▪ Khoản vay 2 (b)	12.851.000.000	14.693.000.000
▪ Khoản vay 3 (c)	146.250.000.000	-
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		
▪ Khoản vay 4 (d)	23.136.015.933	25.339.455.933
▪ Khoản vay 5 (e)	8.910.000.000	9.900.000.000
▪ Khoản vay 6 (f)	206.250.000.000	-
▪ Khoản vay 7 (g)	93.750.000.000	-
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín		
▪ Khoản vay 8	-	50.000.000.000
▪ Khoản vay 9 (h)	300.000.000.000	-
	<hr/> 791.633.015.933	<hr/> 100.622.455.933
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(10.478.862.656)	(20.478.862.656)
	<hr/> 781.154.153.277	<hr/> 80.143.593.277

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.442 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.580 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 13,6% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 6,50% đến 8%) trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả trong 35 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2012.
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 9.595 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 9.595 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 13,6% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 8%) trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả trong 48 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2014.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bằng vàng nữ trang trong hàng tồn kho với giá trị không thấp hơn 200 tỷ VNĐ tại bất kỳ thời điểm nào. Khoản vay này chịu lãi suất năm 4% trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả vào ngày 29 tháng 4 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

- d. Khoản vay 4 liên quan đến khoản vay của một công ty con được Công ty bảo lãnh và được đảm bảo bằng chi phí thuê đất trả trước và tài sản cố định hữu hình hình thành trên quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 22.516 triệu VNĐ và 19.095 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.787 triệu VNĐ và 19.836 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 15,66% đến 19,14% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 15,8% đến 16,5%) trong kỳ. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được hoàn trả trong 63 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VNĐ và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2016.
- e. Khoản vay 5 được bảo đảm bằng nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 8.806 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.958 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm là 18% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: Không). Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 165 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 1 năm 2011 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2015.
- f. Khoản vay 6 được bảo đảm bằng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á với giá trị ghi sổ là 224 tỷ VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 4,2% trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả một lần vào ngày đáo hạn là ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả thành nhiều lần trong thời gian vay do Công ty quyết định.
- g. Khoản vay 7 không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 4,2% trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả một lần vào ngày đáo hạn là ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả thành nhiều lần trong thời gian vay do Công ty quyết định.
- h. Khoản vay 9 không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 4,2% trong kỳ. Khoản vay này được hoàn trả trong 2 năm với kỳ hoàn trả đầu tiên không ít hơn 3.000 lượng vàng hoặc bằng khoản tiền mặt tương đương với 3.000 lượng vàng vào tháng 4 năm 2012 và số dư còn lại trả vào tháng 4 năm 2013.

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ	3.473.546.084
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(135.701.122)
Số dư cuối kỳ	3.337.844.962

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 413 triệu VNĐ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010: 404 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	(709)	(7.090.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.998.433	599.984.330.000	59.998.433	599.984.330.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	28.671.629.175	46.801.141.694
Vốn cổ phần góp bởi cổ đông thiểu số	107.500.000	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	133.788.780	797.460.895
Trích lập các quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(43.790.338)	(348.833.150)
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	(2.940.050.000)	(3.138.488.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(13.882.777.578)
Số dư cuối kỳ	25.929.077.617	30.228.503.861

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	457.860.389	763.853.875
Cổ tức	28.113.587.750	24.261.048.600
Lãi đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	-	5.561.922.489
Lãi từ thanh lý công ty con	-	3.229.607.274
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.421.366.249	2.424.534.506
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	415.202.987
Tổng cộng	31.992.814.388	36.656.169.731

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

25. Chi phí tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	47.822.633.162	28.220.506.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.090.425.276	361.380.654
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	564.871.111	-
Chi phí tài chính khác	94.196.308	950.160.050
	<hr/>	<hr/>
	52.572.125.857	29.532.046.749

26. Thu nhập khác

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Phân bổ tiền ký quỹ bình khí đốt	5.403.237.252	5.026.106.827
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	626.254.546	13.307.991.972
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	4.984.345.320	3.486.789.277
Thu nhập khác	395.513.125	272.271.647
	<hr/>	<hr/>
	11.409.350.243	22.093.159.723

27. Chi phí khác

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý	868.206.457	10.064.062.374
Chi phí khác	517.152.718	306.271.832
	<hr/>	<hr/>
	1.385.359.175	10.370.334.206

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	36.494.185.554	33.305.841.843
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	172.316.963	114.376.217
	<hr/>	<hr/>
	36.666.502.517	33.420.218.060
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh chênh lệch tạm thời	(95.896.171)	587.711.808
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.570.606.346	34.007.929.868

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	184.489.365.266	161.348.110.320
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	46.122.341.317	40.337.027.580
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(132.325.926)
Chi phí không được khấu trừ thuế	166.065.176	331.688.372
Thu nhập miễn thuế	(9.890.117.110)	(6.763.926.973)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	-	(97.756.463)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	218.847.061
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	172.316.963	114.376.217
	<hr/>	<hr/>
	36.570.606.346	34.007.929.868

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 147.784.970.140 VNĐ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 126.542.719.557 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 59.998.433 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 39.999.212), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	147.784.970.140	126.542.719.557
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	147.784.970.140	126.542.719.557

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	59.999.142	39.999.212
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ	(709)	(709)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	59.998.433	39.999.212

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch với các bên liên quan sau:

	Giá trị giao dịch	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Các công ty liên quan		
An Cư Đông Á		
Cho công ty liên kết vay	-	8.000.000.000
Mua dịch vụ	10.332.844.130	1.746.082.412
Tạm ứng	7.325.000.000	2.800.000.000
HongVina		
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.265.361.448	14.574.871.443
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.838.355.000	2.743.935.000

31. Các cam kết

(a) Mua tài sản cố định

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có các cam kết mua tài sản cố định sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	76.520.399.786	79.721.269.600

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	27.367.587.688	24.947.346.415
Trong vòng hai đến năm năm	47.646.526.446	49.444.851.589
Sau năm năm	38.361.845.314	30.491.461.834
	113.375.959.448	104.883.659.838

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ

Sau khi kết thúc kỳ tài chính, Công ty công bố một khoản cổ tức là 59,9 tỷ VNĐ. Khoản cổ tức công bố này chưa được trích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.878.757.249.198	5.702.166.274.473
Chi phí nhân công và nhân viên	93.565.398.672	63.305.680.886
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.352.658.140	23.777.599.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.375.652.731	41.542.436.766
Chi phí khác	74.171.229.900	50.565.942.860

Người lập:

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011